

Đại học Quốc gia Hà Nội  
**Trường Đại học Kinh tế**

# **Bài giảng Kinh tế Vĩ mô**

**TS. Nguyễn Đức Thành**

Email: [nguyen.ducthanh@vepr.org.vn](mailto:nguyen.ducthanh@vepr.org.vn) / Phone: 098 2298 105

Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR), Trường Đại học Kinh tế,  
ĐHQGHN

**ThS. Phạm Minh Thái**

Email: [phamminhthai80@gmail.com](mailto:phamminhthai80@gmail.com) / Phone: 0904337344

Trung tâm Phân tích và Dự báo, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

**Khan hiếm**

**Đánh đổi**

**Lựa chọn**

**Kinh tế học**

**KT học vi mô**

**Kinh tế học vĩ mô**

**Hộ gia đình**

**Hãng**

**Thị tr đơn lẻ**

**Nền kinh tế**

# Kinh tế học?

*Kinh tế học là môn khoa học nghiên cứu để sử dụng hiệu quả các nguồn lực khan hiếm để tạo ra lượng của cải lớn nhất phục vụ con người.*



**Vốn**



**Khoa học công nghệ**



**Lao động**



**Tài nguyên thiên nhiên**

# NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA KINH TẾ HỌC

1

SẢN XUẤT CÁI GÌ?

2

AI SẢN XUẤT CHO?

3

SẢN XUẤT BẰNG CÁCH NÀO?

# CĂN CỨ VÀO ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU



## **KINH TẾ HỌC VI MÔ:**

Nghiên cứu hành vi của người tiêu dùng, doanh nghiệp hoặc một ngành cụ thể tương tác với thị trường trong sự biến động về giá và sản lượng.

“Giá”

## **KINH TẾ HỌC VĨ MÔ:**

Nghiên cứu tổng thể nền kinh tế với các biến số: Lạm phát; thất nghiệp; suy thoái; khủng hoảng kinh tế; chính sách tài khóa; chính sách tiền tệ; chính sách thu nhập, lãi suất, GDP, ...

# CĂN CỨ VÀO PHƯƠNG PHÁP



## **KINH TẾ HỌC THỰC CHỨNG:**

Sự kiện; nhận định kinh tế được lý giải một cách khách quan khoa học

## **KINH TẾ HỌC CHUẨN TẮC:**

Sự kiện; nhận định kinh tế được lý giải bởi quan điểm; nhận định các nhân.

## **Kinh tế học vĩ mô**

**Là khoa học nghiên cứu hành vi của các đại lượng vĩ mô (CPI, GDP, tỷ lệ thất nghiệp, lương, lãi suất, tỷ giá, thâm hụt thương mại, thâm hụt ngân sách...)**

**-> nghiên cứu “mối quan hệ hàm số” giữa các đại lượng vĩ mô (khi đại lượng này thay đổi thì các đại lượng khác sẽ thay đổi như thế nào trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi).**

**Vĩ mô: tác động tới tất cả các thành viên trong nền kinh tế.**

**Nền  
kinh tế**

**Thu nhập**

**Mức giá**

**Thất  
nghiệp**

**Lãi  
suất**

**Cán cân  
thương  
mại**

**Tỷ giá  
hối đoái**

**Chính sách  
KT vĩ mô**

**Tài khóa**

**Tiền tệ**

**Thu nhập**

**Tỷ giá  
hối đoái**

**Thương  
mại**

## 10 nguyên lý cơ bản của kinh tế học (N. Gregory Mankiw)

### CON NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH NHƯ THẾ NÀO?

*Nguyên lý 1:* Con người đối mặt với sự đánh đổi

*Nguyên lý 2:* Chi phí một thứ là thứ mà bạn phải từ bỏ để có được nó

*Nguyên lý 3:* Con người hành động hợp lý suy nghĩ tại điểm cận biên

*Nguyên lý 4:* Con người đáp lại các kích thích

### CON NGƯỜI TƯƠNG TÁC VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO?

*Nguyên lý 5:* Thương mại có thể làm cho mọi người đều có lợi

## 10 nguyên lý cơ bản của kinh tế học (N. Gregory Mankiw)

**Nguyên lý 6:** Thị trường là phương thức tốt để tổ chức hoạt động kinh tế

**Nguyên lý 7:** Đôi khi chính phủ phải cải thiện được kết cục của thị trường

### NỀN KINH TẾ VỚI TƯ CÁCH LÀ TỔNG THỂ VẬN HÀNH NHƯ THẾ NÀO?

**Nguyên lý 8:** Mức sống của một nước phụ thuộc vào năng lực sản xuất hàng hóa và dịch vụ của nước đó

**Nguyên lý 9:** Giá cả tăng khi chính phủ in quá nhiều tiền

**Nguyên lý 10:** Xã hội phải đối mặt với sự đánh đổi ngắn hạn giữa lạm phát và thất nghiệp

# Ten Principles of Economics (N. Gregory Mankiw)

## HOW PEOPLE MAKE DECISIONS

#1: People Face Tradeoffs

#2: The Cost of Something Is What You Give Up to Get It

#3: Rational People Think at the Margin

#4: People Respond to Incentives

## HOW PEOPLE INTERACT

#5: Trade Can Make Everyone Better Off

#6: Markets Are Usually a Good Way to Organize Economic Activity

#7: Governments Can Sometimes Improve Market Outcomes

## HOW THE ECONOMY AS A WHOLE WORKS

#8: A Country's Standard of Living Depends on Its Ability to Produce Goods and Services

#9: Prices Rise When the Government Prints Too

Much Money

#10: Society Faces a Short-Run Tradeoff between Inflation and Unemployment

## **Nguyên lý 1: Con người đối mặt với sự đánh đổi**

*"Mọi thứ đều có giá" - Để có được một thứ ưa thích, người ta phải bỏ ra một thứ khác mà mình thích. Nói cách khác, quá trình ra quyết định đòi hỏi phải đánh đổi một mục tiêu nào đó để đạt được mục tiêu khác.*

***"There is no such thing as a free lunch."***

***+ Một ngày chỉ có 24h, sinh viên dành thời 12h chơi game thì sẽ không còn thời gian học tập?***

***+ Chấp nhận yêu một người phải đánh đổi bởi gì?***

***+ Một quốc gia tham gia chạy đua vũ trang phải đánh đổi bởi gì (ví dụ kinh điển về súng và bơ)***

## Nguồn lực đều có hạn



“Con người ai cũng sinh ra trong tự do nhưng nơi đâu họ cũng lớn lên trong xiềng xích” - Russo

## Nguyên lý 2: Chi phí một thứ là cái mà bạn phải từ bỏ để có được nó

Sự đánh đổi liên quan đến lợi ích và tổn thất, vì vậy trong quá trình ra quyết định, ta thường so sánh giữa *chi phí* và *lợi ích* của các *cách hành động* khác nhau

<i>Lợi ích:</i>	<i>Chi phí:</i>
<ul style="list-style-type: none"><li>- Làm giàu thêm vốn kiến thức</li><li>- Tăng cơ hội tìm kiếm việc làm trong tương lai.</li><li>- ...</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Học phí</li><li>- Sinh hoạt phí</li><li>- Thu nhập làm việc</li><li>- Thu nhập lãi vay....</li></ul> <p><b>Lưu ý: Tổng số tiền đó chưa thực sự phải là tổng chi phí học đại học</b></p>

**Chi phí cơ hội (Opportunity Cost):** Chi phí cơ hội của một thứ là cái mà bạn từ bỏ để có được nó

## Nguyên lý 3: Con người hành động hợp lý suy nghĩ tại điểm cận biên

**Cận biên?** (Lợi ích cận biên; Chi phí cận biên)

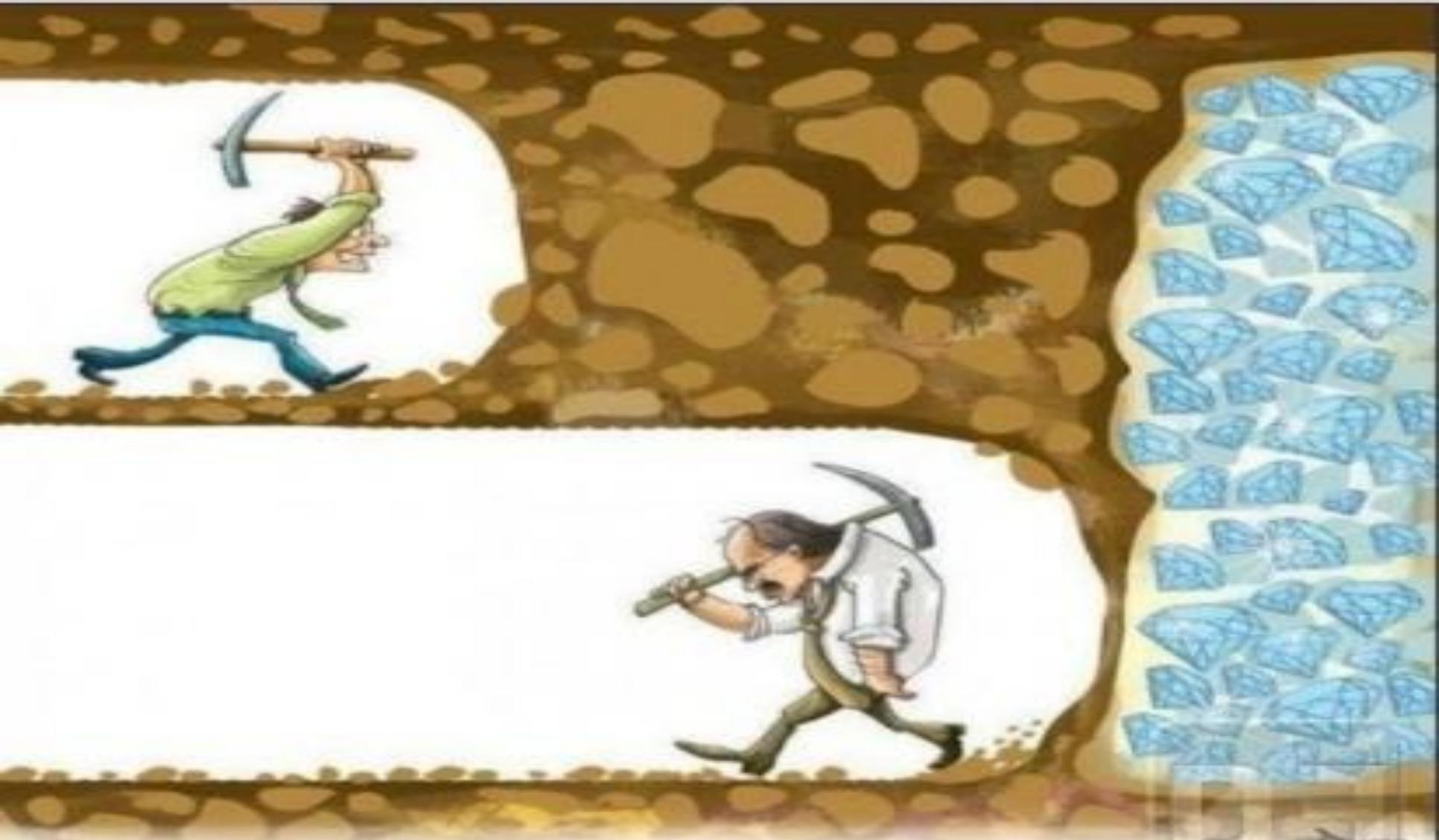
Mọi người đưa ra được quyết định tối ưu nhờ tính đến điểm cận biên; bằng cách so sánh *ích lợi cận biên* và *chi phí cận biên*.

Các cá nhân và doanh nghiệp có thể đưa ra quyết định tốt hơn nhờ cách suy nghĩ ở điểm cận biên. Con người hành động hợp lý chỉ quyết định tăng thêm hành động khi thấy *ích lợi cận biên* còn cao hơn *chi phí cận biên*

**Ví Dụ:**

- Mua thêm cái tivi để phòng khách hay mua điều hòa ở phòng ngủ?
- Bán thêm 1 vé máy bay với giá thấp hơn đôi với ghế bỏ trống?
- Học thêm 1 năm hay nghỉ học để đi làm?
-

# Chi phí cận biên Vs Lợi ích cận biên



## Nguyên lý 4: Con người đáp lại các kích thích

*Con người ra các quyết định dựa trên sự so sánh chi phí và ích lợi, nên hành vi của họ có thể thay đổi khi chi phí, ích lợi hoặc cả hai thay đổi. Nghĩa là, con người đáp lại các kích thích*

### ***Giá điện điện tăng***

- *Phản ứng của người tiêu dùng?*
- *Phản ứng của người sản xuất*

### ***Giá dầu thực vật tăng?***

### ***Giá vé máy bay giảm?***

## *Nguyên lý 5: Thương mại có thể làm cho mọi người đều có lợi*

Mỗi cá nhân; tổ chức; vùng đều có những thế mạnh riêng, thế mạnh được khai thác dùng để trao đổi với những đối tượng khác khi đó số lượng hàng hóa được sử dụng đa dạng hơn; phong phú hơn.

*Thương mại => cho phép các cá nhân chuyên môn hoá các việc anh ta làm tốt nhất => năng suất lao động cao hơn.*

*Thương mại => cho phép các chủ thể trao đổi những thứ mình không tự làm được*

*=> Con người có được đa dạng hàng hoá, dịch vụ hơn; chi phí thấp hơn*

- Việt Nam có lợi thế gì so với Hàn Quốc?
- Thế mạnh của ngành du lịch Việt Nam?

## ***Nguyên lý 5: Thương mại có thể làm cho mọi người đều có lợi***

***Một người nông dân Việt Nam và Trung Quốc trong vòng 1 năm chuyên sản xuất vải và lúa thóc:***

Người nông dân Trung Quốc	8000 m <sup>2</sup> vải
	6 tạ thóc
Người nông dân Việt Nam	5000 m <sup>2</sup> vải
	4 tạ thóc

***Trường hợp nền kinh tế Việt Nam và Trung Quốc không có giao thương:***

***Một người nông dân Việt Nam và Trung Quốc dành nửa năm dệt vải và nửa năm làm nông nghiệp khi đó rổ hàng hóa cho tiêu dùng: Trung Quốc (4.000 m<sup>2</sup>; 3 tạ thóc); Việt Nam (2.500 m<sup>2</sup>; 2 tạ thóc)***

## *Nguyên lý 5: Thương mại có thể làm cho mọi người đều có lợi*

*Trường hợp nền kinh tế Việt Nam và Trung Quốc giao thương với nhau:*

*Người nông dân Việt Nam chuyên sản xuất Thóc*

*Người nông dân Trung Quốc chuyên sản xuất Vải*

*Tiến hành trao đổi giữa hai nước khi đó:*

*Rổ hàng hóa cho tiêu dùng:*

*Trung Quốc ( $4.000 m^2$ ;  $(4000/5000) \times 4 = 3,2$  tạ thóc);*

*Việt Nam ( $(2/6) \times 8000 = 2.667 m^2$ ; 2 tạ thóc)*

## *Nguyên lý 6: Thị trường là phương thức tốt để tổ chức hoạt động kinh tế*

- Nền kinh tế thị trường được vận hành dựa trên các quyết định của vô số người mua và người bán.
- Không có sự hỗn độn bởi vì các chủ thể được dẫn dắt bởi một “bàn tay vô hình”
- Các chủ thể => vì lợi ích của họ. Một cách vô thức => phụng sự cho lợi ích của toàn xã hội, một lợi ích nằm ngoài dự định.
- Giá cả và tiền lương là công cụ để “bàn tay vô hình” điều khiển các hoạt động kinh tế.

## **Nguyên lý 7: Đôi khi chính phủ phải cải thiện được kết cục của thị trường**

- Thị trường có vận động hoàn hảo đến đâu thì vẫn có những thất bại của nó => cần có sự can thiệp của chính phủ.

<b>Thất bại thị trường</b>	<b>Hành động của Chính phủ</b>
Các ngoại ứng: - Tiêu cực: ô nhiễm môi trường. - Tích cực: phát minh khoa học, làm đẹp cảnh quan...	- Đánh thuế, quy định hạn mức - Cấp bằng sáng chế, trợ cấp. - Bảo hộ; khuyến khích đầu tư
- Sức mạnh thị trường: độc quyền	- Xây dựng luật chống độc quyền, điều tiết giá.
- Bất công xã hội: phân hoá giàu nghèo.	- Xây dựng hệ thống phúc lợi xã hội, đánh thuế; quy định tiền lương tối thiểu...

## *Nguyên lý 8: Mức sống của một nước phụ thuộc vào năng lực sản xuất của nước đó*

Năng suất lao động: Lượng giá trị làm ra trong một đơn vị thời gian

Năng suất lao động cao có ý nghĩa? Người dân được hưởng mức sống cao hơn do:

- Lượng của cải vật chất nhiều hơn,
- Chăm sóc sức khỏe; giáo dục tốt hơn.
- Người dân có nhiều sự lựa chọn hơn.

Để nâng cao NSLĐ các chính sách công phải hướng đến:

- Gia tăng vốn trên lao động
- Nâng cao chất lượng lao động (lao động được bồi dưỡng; đào tạo)
- Nâng cao ý thức của người lao động
- Tổ chức quản lý hợp lý

## *Nguyên lý 9: Giá cả tăng khi chính phủ in quá nhiều tiền*

### *Lạm phát là sự mất giá của đồng tiền*

Người dân có nhiều tiền hơn => sẵn sàng trả giá cao hơn cho những hàng hoá họ cần => mặt bằng giá cao hơn => lạm phát.

### *Nhận định gì về quy mô của lượng hàng và lượng tiền???*

#### *Những hệ lụy của lạm phát.*

- + Giảm tiết kiệm, giảm đầu tư.
- + Sản xuất đình đốn, tăng trưởng giảm trong dài hạn.
- + Đời sống người lao động gặp khó khăn.

**Nguyên lý 10: Chính phủ phải đối mặt với sự đánh đổi ngắn hạn giữa lạm phát và thất nghiệp**

- Chính phủ cắt giảm lượng cung tiền  $\Rightarrow$  giảm số tiền mà mọi người chi tiêu.
- Do giá cả *cứng nhắc trong ngắn hạn*  $\Rightarrow$  giá cả vẫn ở mức cao  $\Rightarrow$  các hãng không bán được hàng  $\Rightarrow$  buộc phải sa thải công nhân  $\Rightarrow$  thất nghiệp tăng.
- Trong dài hạn, khi giá cả hoàn toàn thích ứng  $\Rightarrow$  số việc làm tăng lên.

## Chương 1: Khái quát về kinh tế học vĩ mô

### 1.1 Mục tiêu và công cụ của kinh tế vĩ mô

- Công cụ:
- Chính sách tài khóa
  - Chính sách tiền tệ
  - Chính sách thu nhập
  - Chính sách kinh tế đối ngoại

### 1.2. Cách tính sản lượng quốc gia

#### 1.2.1 Dòng luân chuyển của nền kinh tế

#### 1.2.2 Các phương pháp tính sản lượng quốc gia

- Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) - Khái niệm và cách tính
- GDP danh nghĩa và GDP thực tế - Chỉ số điều chỉnh GDP
- Tổng sản phẩm quốc dân (GNP)
- Các đại lượng đo lường hoạt động kinh tế khác

# Chương 2: Lý thuyết xác định sản lượng

## 2.1 Mô hình tổng chi tiêu của Keynes

## 2.2 Tiêu dùng và tiết kiệm

2.2.1 Mối quan hệ giữa thu nhập-tiêu dùng và thu nhập-tiết kiệm

Hàm tiêu dùng

Hàm tiết kiệm

Xu hướng tiêu dùng (tiết kiệm) biên và bình quân

2.2.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến tiêu dùng và tiết kiệm

## 2.3 Đầu tư

2.3.1 Đường cầu về đầu tư

2.3.2 Các yếu tố quyết định đến đầu tư

## 2.4 Xác định sản lượng

2.4.1 Phương pháp sản lượng - chi tiêu

Số nhân đầu tư

2.4.2 Phương pháp luồng rò rỉ - luồng bơm vào

2.4.3 Tiết kiệm, đầu tư và nghịch lý của tiết kiệm

# Chương 3: Chính sách tài khóa và ngoại thương

## 3.1 Chính phủ trong dòng luân chuyển và chính sách tài khóa

3.1.1 Dòng luân chuyển khi có sự tham gia của chính phủ

3.1.2 Chính sách tài khóa

## 3.2 Phân tích ảnh hưởng của chính sách tài khóa đến sản lượng cân bằng

3.2.1 Các giả định

3.2.2 Phân tích tác động của chính sách tài khóa

## 3.3 Mô hình hoạch định chính sách tài khóa

3.3.1 Chính sách tài khóa tự ổn định

3.3.2 Chính sách tài khóa chủ động (mở rộng, thắt chặt)

3.3.3 Ngân sách của chính phủ

## 3.4 Chính sách ngoại thương

3.4.1 Xuất khẩu và nhập khẩu

3.4.2 Xác định sản lượng cân bằng

# Chương 4: Tiền tệ, ngân hàng và chính sách tiền tệ

## 4.1 Tiền và các chức năng của tiền

## 4.2 Lịch sử ra đời và phát triển của ngân hàng

## 4.3 Hệ thống ngân hàng

### 4.3.2 Ngân hàng Trung ương

## 4.4 Thị trường tiền tệ

### 4.4.1 Cầu tiền tệ

### 4.4.2 Cung tiền tệ

### 4.4.3 Cân bằng trên thị trường tiền tệ

## 4.5 Chính sách tiền tệ

### 4.5.1 Khái niệm, mục tiêu và công cụ của chính sách tiền tệ

### 4.5.2 Chính sách tiền tệ mở rộng

### 4.5.3 Chính sách tiền tệ thắt chặt

# Chương 5: Hỗn hợp CSTK và CSTT

## 5.1 Mô hình IS-LM

### 5.1.1 Đường IS

Khái niệm

Cách xây dựng đường IS

Độ dốc đường IS

Dịch chuyển đường IS

### 5.1.2 Đường LM

Khái niệm

Cách xây dựng đường LM

Độ dốc đường LM

Dịch chuyển đường LM

### 5.1.3 Cân bằng đồng thời thị trường hàng hóa và tiền tệ

## 5.2 Tác động của chính sách tài khóa

## 5.3 Tác động của chính sách tiền tệ

## 5.4 Tác động của hỗn hợp chính sách tài khóa và tiền tệ

# Chương 6: Thất nghiệp

## 6.1 Thất nghiệp và tác động của thất nghiệp

6.1.1 Khái niệm và cách đo lường thất nghiệp

6.1.2 Tác động của thất nghiệp

## 6.2 Loại hình và nguyên nhân thất nghiệp

6.2.1 Thất nghiệp tạm thời

6.2.2 Thất nghiệp cơ cấu

6.2.3 Thất nghiệp chu kỳ

6.2.4 Thất nghiệp theo lý thuyết cổ điển

- Luật tiền lương tối thiểu

- Nghiệp đoàn

- Lý thuyết tiền lương hiệu quả

6.2.5 Tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên

## 6.3 Các giải pháp hạn chế thất nghiệp

# Chương 7: Lạm Phát

## 7.1 Khái niệm và cách đo lường lạm phát

7.1.1 Khái niệm

7.1.2 Đo lường lạm phát

7.1.3 Các mức độ lạm phát

## 7.2 Tác động của lạm phát

7.2.1 Tác động phân phối lại của cải và thu nhập

7.2.2 Tác động đến sản lượng và hiệu quả kinh tế

## 7.3 Nguyên nhân của lạm phát và các giải pháp

7.3.1 Lạm phát cầu kéo

7.3.2 Lạm phát chi phí đẩy

7.3.3 Lý thuyết định lượng về tiền

7.3.4 Các giải pháp hạn chế lạm phát

# Chương 8: CKKD, tăng trưởng và PTKT

## 8.1 Chu kỳ kinh doanh

- 8.1.1 Khái niệm
- 8.1.2 Các giai đoạn của một chu kỳ
- 8.1.3 Nguyên nhân của chu kỳ kinh doanh

## 8.2 Tăng trưởng kinh tế

- 8.2.1 Khái niệm, thước đo và ý nghĩa của tăng trưởng kinh tế
- 8.2.2 Nguồn gốc của tăng trưởng kinh tế
- 8.2.3 Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế
- 8.2.4 Chính sách tăng trưởng kinh tế của chính phủ

## 8.3 Phát triển kinh tế

- 8.3.1 Khái niệm về phát triển kinh tế
- 8.3.2 Đặc điểm của các nước nghèo trong quá trình phát triển
- 8.3.3 Các mô hình phát triển kinh tế

# Chương 9: Quan hệ kinh tế quốc tế

## 9.1 Thương mại quốc tế

### 9.1.1 Lợi thế so sánh

- Lợi thế tuyệt đối
- Lợi thế tương đối

### 9.1.2 Phân tích cung cầu về xuất và nhập khẩu

### 9.1.3 Các chính sách ngoại thương

## 9.2 Cán cân thanh toán

### 9.2.1 Tài khoản vãng lai

### 9.2.2 Tài khoản vốn

### 9.2.3 Tài khoản dự trữ chính phủ

## 9.3 Tỷ giá hối đoái và hệ thống tiền tệ quốc tế

### 9.3.1 Các hệ thống tỷ giá hối đoái

### 9.3.2 Hệ thống tiền tệ quốc tế

### 9.3.3 Phối hợp kinh tế toàn cầu